

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2017/DS-PT

Ngày: 05-9-2017

V/v “tranh chấp quyền sử
dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Ông Bùi Thế Xương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Võ Thị Hoa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2017/TLPT-DS ngày 30 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2017/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 151/2017/QĐPT-DS, ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Kim T, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ngô Kim T là bà Ngô Thị Kim K, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 9 năm 2010.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Anh A, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp H1, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là: Ông Đặng Ngọc P, Luật sư của Văn phòng luật sư Đặng P, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn D (cha ruột ông A), sinh năm 1939 (đã chết năm 2014);

2. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1942;

3. Bà Huỳnh Thị Kiều N, sinh năm 1971;

4. Ông Võ Văn X, sinh năm 1938;

Cùng cư trú tại: Ấp H1, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T1, bà Huỳnh Thị Kiều N là ông Nguyễn Anh A, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 7 năm 2008 và ngày 24/3/2016).

5. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre là ông Lê Quang V - chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Anh A là bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2008 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Ngô Kim T cùng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Ngô Thị Kim K trình bày:

Phần đất tranh chấp có diện tích 386,9m², thuộc thửa 1970, tờ bản đồ số 1; tọa lạc tại: Ấp H1, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre. Nguồn gốc đất là của bà Ngô Thị B. Bà B quản lý, sử dụng đất từ năm 1985. Năm 1991, bà B nhờ ông Bùi Văn Y đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi ông Y chết, bà Trần Thị M (vợ của ông Y) thừa kế phần đất nêu trên và tiếp tục đứng tên trên

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2007, bà M trả lại đất cho bà B và bà B làm thủ tục tặng cho toàn bộ diện tích đất 3.040m², tọa lạc tại: Ấp H1, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre cho ông Ngô Kim T. Tuy nhiên, năm 1996, bà B có ủy quyền ông Võ Văn X quản lý đất, trong thời gian này ông X đã bán đất cho ông Nguyễn Anh A diện tích khoảng 704m², bán cho bà Nguyễn Thị U diện tích 180m² nhưng bà B không hay biết. Sau khi được tặng cho đất, ông T phát hiện ông A xây nhà kiên cố trên đất nên khởi kiện yêu cầu ông A và bà U trả đất. Trong quá trình giải quyết thì ông T và bà U đã thỏa thuận xong, được Tòa án nhân dân huyện C ra quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa ông T và bà U.

Phần diện tích tranh chấp giữa ông T và ông A có diện tích qua đo đạc thực tế là 656,6m², trong đó: Diện tích ông A mua lần thứ nhất là 269,7m² phần đất này ông A đã xây nhà kiên cố, lần thứ hai ông A mua 386,9m², phần đất này ông A cất nhà tạm làm chuồng trại nuôi gà, xung quanh đất rào lưới B40. Sự việc ông X bán đất cho ông A thì bà B hoàn toàn không biết, chữ ký bà B trong giấy bán đất là chữ ký giả mạo. Thời gian này ông X quản lý đất nhưng bà B không đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không thể ký tên đồng ý bán đất cho ông A.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông T đồng ý cắt cho ông A phần đất mà ông A mua lần thứ nhất là 269,7m² đã xây nhà kiên cố và yêu cầu ông A giao trả phần đất mua lần thứ hai là 386,9m², yêu cầu ông A tháo dỡ chuồng trại, rào lưới B40, di dời cây trồng trên đất vì phần cây trồng này ông A tự trồng trong thời gian xảy ra tranh chấp, nên ông T sẽ không bồi thường.

Tại đơn phản tố ngày 30/6/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Anh A đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T1, bà Huỳnh Thị Kiều N trình bày:

Bà B là người sở hữu phần đất vườn diện tích khoảng 2.200m²; tọa lạc tại: Ấp H1, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre, do tuổi cao bà B ủy quyền cho ông Võ Văn X quản lý đất. Năm 1998, ông X làm giấy bán đất cho ông A diện tích 288m² với giá 4.700.000 đồng. Sau khi mua đất ông A trồng cây, xây nhà ở ổn định không ai tranh chấp. Năm 2003, ông X tiếp tục bán cho ông A phần đất liền kề với giá 8.000.000 đồng, tổng cộng hai lần mua đất diện tích là 704m². Việc ông X bán đất cho ông A có sự đồng ý của bà B, giấy tờ bán đất có chữ ký, dấu lăn tay của bà B.

Theo ông A được biết thời điểm ông A mua đất thì ông Y, sau đó là bà M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau này bà M mới giao quyền sử dụng đất lại cho bà B. Lúc ông A mua đất thì ông X có đến gặp bà M yêu cầu bà M tách quyền sử dụng đất cho ông X nhưng do bà M đang thế chấp quyền sử dụng đất vay tiền ngân hàng nên không tách sổ cho ông A được. Qua đo đạc thực tế phần đất ông A đang quản lý, sử dụng là 656,6m², trong đó: Ông A mua lần thứ nhất là 269,7m² phần đất này ông A đã xây nhà kiên cố, lần thứ hai ông A mua 386,9m² phần đất này ông A xây chuồng trại nuôi gà, trong thời gian Tòa án giải quyết ông A có rào lưới B40 để bảo vệ tài sản.

Ông A cho rằng ông nhận chuyển nhượng đất là hợp pháp tuy chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Ông A không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T. Ông A yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Ngô Kim T vì thời điểm ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì trên đất đã có ngôi nhà của ông A. Đồng thời, ông A yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho ông A diện tích 656,6m², thuộc thửa 369, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại: Ấp H1, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T thì ông A đồng ý tháo dỡ hàng rào, chuồng trại và di dời cây trồng trên đất không yêu cầu ông T bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn X trình bày:

Ông thừa nhận trong thời gian bà B ủy quyền quản lý đất thì ông X đã hai lần bán đất cho ông A với tổng diện tích là 704m², việc ông bán đất cho ông A thì có sự đồng ý của bà B (mẹ ruột ông X).

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre là ông Lê Quang V trình bày:

Ngày 05/9/2007, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị B phần đất có diện tích 3040m², thuộc thửa 1970, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại: Ấp H1, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre. Ngày 11/9/2007, bà B làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Ngô Kim T được Ủy ban nhân dân xã S chứng thực, trên đất có nhà trên đất. Căn cứ vào hồ sơ, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2017/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Kim T về tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Anh A, bà Huỳnh Thị Kiều N;

Buộc ông Nguyễn Anh A, bà Huỳnh Thị Kiều N có trách nhiệm giao trả lại cho ông Ngô Kim T diện tích đất 386,9m², phần đất có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đất ông Ngô Kim T;
- Phía Tây giáp thửa 369-1;
- Phía Nam giáp thửa đất còn lại của Ngô Kim T;
- Phía Bắc giáp thửa đất của bà Lê Thị B1.

(Phần đất có họa đồ hiện trạng kèm theo).

Ghi nhận việc ông A tự nguyện tháo dỡ và di dời tài sản khỏi phần đất phải giao trả lại cho ông Ngô Kim T, không yêu cầu ông Ngô Kim T phải bồi thường.

Ghi nhận ông Ngô Kim T đồng ý có trách nhiệm tách chuyển quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Anh A, bà Huỳnh Thị Kiều N phần đất có diện tích 269,7m², thuộc thửa 369-1, tờ bản đồ số 1; tọa lạc tại: Ấp H1, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre, phần đất có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp phần đất phải trả cho ông Ngô Kim T (thửa 369);
- Phía Tây giáp lộ và kênh (rạch);
- Phía Nam giáp phần đất còn lại của ông Ngô Kim T;
- Phía Bắc giáp đất của bà Lê Thị B1;

(Phần đất có họa đồ hiện trạng kèm theo).

Bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Anh A về việc yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đất diện tích 656,6m² và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô Kim T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo bản án; quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/4/2017, bị đơn ông Nguyễn Anh A kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số:

08/2017/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Theo đó, công nhận phần đất có diện tích 656,7m², thuộc thửa 369, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại: Ấp H1, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre cho ông Nguyễn Anh A và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AL004590 đã cấp cho ông Ngô Kim T.

Ngày 05/4/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2017/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2017/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bản án dân sự sơ thẩm tuyên buộc ông Nguyễn Anh A phải giao trả phần đất có diện tích 386,9m², thuộc một phần của thửa 369, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại: Ấp H1, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre cho ông Ngô Kim T là không có căn cứ. Bởi lẽ, phần đất này vào năm 2003 ông A nhận chuyển nhượng từ ông Võ Văn X và bà Ngô Thị B, có lập giấy tay. Mặc dù, giấy tay do ông X lập nhưng có bà B đồng ý và trong giấy tay lập ngày 19/02/2003 có chữ ký của bà Võ Thị X1, ông Ngô Văn V1, bà Ngô Ngọc X2 (bà X1 là con gái, ông V1 là con rể, bà X2 là cháu của bà B). Như vậy, giấy tay lập ngày 19/02/2003 đã thể hiện ý chí của bà B về việc chuyển nhượng đất cho ông A. Trong quá trình sử dụng đất ông A đã bơm cát, làm hàng rào và trồng cây lâu năm. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông A, sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của ông Ngô Kim T, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, công nhận phần đất nêu trên cho ông A.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời, đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo của bị đơn và nội dung kháng nghị theo Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C vì lý do: Ông Võ Văn X đại diện gia đình đứng ra lập giấy bán đất nhưng hai lần chuyển nhượng đều có chữ ký, dấu lấn tay của bà B. Thời điểm bán đất, tuy bà B chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người khác là nhầm lẫn; bà M cũng đã thừa nhận điều này và có giấy xác nhận đồng ý trả đất lại cho bà B. Nguyên đơn cho rằng chữ ký, dấu lấn tay trong giấy bán đất không

phải của bà B nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cũng như không yêu cầu giám định. Mặc khác, sau khi nhận đất ông A xây nhà kiên cố, trồng cây lâu năm, chăn nuôi trên đất mà không ai tranh chấp. Tại thời điểm tranh chấp, phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Kim T trong đó có phần đất đã chuyển nhượng cho ông A là không phù hợp. Từ đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Anh A.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có diện tích 369,9m², thuộc thửa 369-1; tọa lạc tại: Ấp H1, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre. Trước tháng 10/2007, phần đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Ngô Thị B (chết năm 2009, là bà nội của Ngô Kim T). Phía nguyên đơn cho rằng phần đất này thuộc một phần của thửa 1970 (diện tích là 3.040m²), ông T được bà B lập hợp đồng tặng cho và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 12/10/2007. Khi nhận phần đất này thì ông T mới biết ông Võ Văn X đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Anh A một phần đất có diện tích 704m² vào năm 2003, hiện ông A đã cất nhà ở trên đất. Do, đất này là của bà B nên việc ông X chuyển nhượng cho ông A là không hợp pháp nên ông T yêu cầu ông A phải di dời nhà, trả đất lại cho ông. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông A trả lại phần đất có diện tích 386,9m², thuộc thửa 369-1, tờ bản đồ số 01; tọa lạc tại: Ấp H1, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre cho ông T. Bị đơn ông Nguyễn Anh A không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn mà cho rằng phần đất tranh chấp là ông nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn X và bà Ngô Thị B vào năm 1998 và năm 2003, ông đã trả tiền và nhận đất cất nhà, trồng cây lâu năm trên đất không ai tranh chấp, việc chuyển nhượng đất là hợp pháp nên ông yêu cầu công nhận phần đất trên cho ông theo diện tích thực tế là 656,6m², đồng thời hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng việc chuyển nhượng phần đất có diện tích 704m² (diện tích đo đạc thực tế là 656,6m²) thuộc một phần của thửa 1970 ; tọa lạc tại: Ấp H1, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre giữa ông Võ Văn X và ông Nguyễn Anh A vào năm 1998 và năm 2003 là không hợp pháp, ông X không phải là chủ sử dụng đất, mặc dù có sự đồng ý của bà B cũng không phù hợp vì

thời điểm chuyển nhượng trên bà B cũng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến tháng 9/2007, bà B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà B đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thuộc thửa 1970 cho ông T đúng quy định pháp luật và ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên chấp nhận yêu cầu của ông T.

[3] Trong khi đó, phía nguyên đơn thừa nhận phần đất này là của bà Ngô Thị B quản lý sử dụng từ năm 1985 cho đến tháng 9/2007 và có biết việc mua bán đất giữa ông X và ông A. Đồng thời, tại giấy bán đứt đoạn ngày 18/8/1998 và giấy xác nhận của người bán và người mua ngày 19/02/2003, cả hai tờ giấy mua bán đất nêu trên đều có chữ ký hoặc dấu lấn tay của bà B và còn có bà X1 (là con gái bà B), ông V1 (là con rể bà B) và chị Ngô Ngọc X2 (là cháu của bà B) chứng kiến việc mua bán phần đất và tất cả có ký tên vào. Trong trường hợp này lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải xác minh làm rõ, nếu việc mua bán này thể hiện ý chí tự nguyện của bà B thì phải xem xét công nhận phần đất mà ông A đã nhận chuyển nhượng vào năm 1998 và 2003.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ vấn đề nêu trên mà căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông T vào ngày 12/10/2007 từ đó chấp nhận yêu cầu của ông T, buộc ông A giao trả phần đất tranh chấp có diện tích 386,9m², thuộc thửa 369 (một phần của thửa đất cũ 1970) cho ông T là chưa đủ căn cứ. Mặt khác, khi buộc giao trả đất cho ông T, Tòa cấp sơ thẩm không xem xét đến việc ông A đã trả đủ tiền chuyển nhượng đất cho ông X và bà B và tài sản, tiền san lấp đất, các cây trồng do ông A trồng trên đất trong cùng vụ án mà cho rằng nếu ông A có tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng đối với phần đất có diện tích 386,9m² thì có thể yêu cầu khởi kiện bằng một vụ kiện khác là không đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của ông A; đồng thời, giải quyết như vậy là chưa toàn diện vụ án.

[5] Ngoài ra, ông A có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T, Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần làm rõ quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T; bởi lẽ, phần đất này bà B cũng đã làm giấy ủy quyền cho ông Võ Văn X vào năm 1994 để ông X canh tác và đóng thuế hàng năm. Như vậy, cần làm rõ vào thời điểm bà B lập hợp đồng tặng cho phần đất tranh chấp cho ông T thì ông X có ý kiến gì không. Để từ đó, có đủ căn cứ giải quyết vụ án một cách chính xác.

Từ những nhận định trên, hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2017/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[6] Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, hoàn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Nguyễn Anh A.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2017/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre xét xử vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn ông Ngô Kim T, bị đơn ông Nguyễn Anh A; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Nguyễn Anh A là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009924 ngày 05/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Hương

